

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HS-ST

Ngày 09 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Xuân và bà Lê Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn đối với bị cáo:

Ngọc Văn T, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1989 tại xã S, tỉnh Bắc Ninh; căn cước công dân số: 024089009753, cấp ngày 17/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã S, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngọc Văn N, sinh năm 1968 và bà Trần Thị C, sinh năm 1968; vợ: Lương Thị Lý (đã ly hôn); hiện đã kết hôn với chị Vy Thị Khảm, sinh năm 1985; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 20/10/2025 đến ngày 09/12/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Ngọc Văn T: Ông Mai Xuân Thắng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quan Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lô Quang T – Chuyên viên Phòng Kinh tế xã Quan

Sơn, tỉnh Lạng Sơn. (Theo Quyết định về việc uỷ quyền tham gia tố tụng vụ án hình sự số 600/QĐ-UBND ngày 10/12/2025). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Lý Văn L, sinh năm 1973. Vắng mặt
3. Anh Lý Văn T1, sinh năm 1993. Vắng mặt
4. Ông Vi Văn M, sinh năm 1968. Vắng mặt
5. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1998. Vắng mặt
6. Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1974. Vắng mặt
7. Ông Vi Văn P, sinh năm 1970. Vắng mặt
8. Ông Vi Văn S, sinh năm 1964. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Làng Hăng, xã Quan Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

9. Ông Trương Văn N, sinh năm 1980. Vắng mặt
10. Ông Nông Văn N1, sinh năm 1985. Vắng mặt
11. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1995. Vắng mặt
12. Ông Trương Văn T, sinh năm 1986. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Đấp, xã Sơn Hải, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2025, do có nhu cầu mua đất rừng để trồng cây bạch đàn, Ngọc Văn T đã thoả thuận với ông Vi Văn M, sinh năm 1968; ông Vi Văn Lay, sinh năm 1973; anh Lý Văn T1, sinh năm 1993; anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1998; ông Nông Văn Đ, sinh năm 1974; ông Vi Văn P, sinh năm 1970; ông Vi Văn S, sinh năm 1964; cùng trú tại thôn L, xã Q, tỉnh Lạng Sơn để mua đất với tổng diện tích khoảng 05 ha đất rừng. Việc thoả thuận, mua bán, đặt cọc bằng lời nói, không thể hiện bằng văn bản. Các thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai; từ khoảng năm 2010 các hộ dân không còn canh tác, sử dụng, hiện trạng là rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn quản lý.

Khoảng cuối tháng 8 năm 2025, Ngọc Văn T thuê một người đàn ông tên D (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) chặt, phát dọn khu rừng trên để trồng cây bạch đàn với tổng số tiền công là 30.000.000 đồng. T nhờ ông Vi Văn Lay chỉ vị trí cần chặt phá cho D. D gọi thêm khoảng 06 người dân tộc Mông (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) sử dụng dao chặt, phát trong khoảng 10 ngày thì hết diện tích rừng đã mua.

Tiếp đó, T liên hệ thuê Trương Văn N, sinh năm 1980, trú tại thôn Đ, xã S, tỉnh Bắc Ninh sử dụng máy cưa xăng để cắt hạ các cây gỗ lớn tại khu đồi trên với tiền công là 12.000.000 đồng. N gọi thêm cho ông Nông Văn N1, sinh năm 1985, anh Hoàng Văn H, sinh năm 1995, ông Trương Văn T, sinh năm 1986, cùng trú tại thôn Đ, xã S, tỉnh Bắc Ninh cùng tham gia.

Kết quả khám nghiệm và xác định hiện trường làm rõ: diện tích rừng do Ngọc Văn T thuê người chặt phá là 19.500m² (1,95ha) tại các thửa đất số 31, 51, 62 thuộc lô 1, khoảnh 16 và lô 31, lô 32, khoảnh 11a, tiểu khu 368B, thôn L, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Số lượng cây gỗ bị chặt hạ là 336 khúc, gồm các loại gỗ thông thường như Kháo, Sau Sau, Dẻ, có đường kính từ 10cm đến 30cm, chiều dài từ 2m đến 8m, với tổng khối lượng 42,077m³; toàn bộ thân cây vẫn còn tại hiện trường. Hiện trạng khu vực bị chặt phá tại thời điểm phát hiện là rừng tự nhiên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn kết luận: 336 khúc cây bị chặt hạ có đường kính từ 10cm đến 30cm gồm các loại Sau Sau, Kháo và Dẻ có tổng khối lượng 42,077m³, tại thời điểm định giá tháng 9/2025 có giá trị là 32.682.000 đồng. Đối với giá trị thiệt hại về môi trường do hành vi Ngọc Văn T gây ra, Hội đồng định giá từ chối thực hiện định giá do không đủ các điều kiện cần thiết tiến hành định giá.

Tại kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp ngày 25/9/2025 do giám định viên Triệu Lương H thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Cao Lộc kết luận:

- Tổng diện tích rừng bị chặt phá thuộc lô 1, khoảnh 16, lô 31 và 32, khoảnh 11a, tiểu khu 368b theo Bản đồ hiện trạng rừng năm 2024, xã Quan Sơn, tỉnh Lạng Sơn là 19.500m². Các cây gỗ bị chặt ngã còn nguyên phần gốc, phần thân và ngọn còn tươi, cây có đường kính từ 10cm đến 30cm, có chiều dài từ 2m đến 8m. Cụ thể từng lô như sau:

- + Lô 1, khoảnh 16, diện tích bị chặt phá là 4.700m².
- + Lô 31, khoảnh 11a, diện tích bị chặt phá là 4.000m².
- + Lô 32, khoảnh 11a, diện tích bị chặt phá là 10.800m².

- Khối lượng cây gỗ, loài cây bị chặt phá: trên diện tích 19.500m² thuộc lô 1, khoảnh 16, lô 31 và 32, khoảnh 11a, tiểu khu 368b, theo Bản đồ hiện trạng rừng năm 2024 xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn có khối lượng gỗ bị chặt phá là 42,077m³, tương đương với 21,577m³/ha. Loài cây gồm Sau Sau, Kháo, Dẻ thuộc nhóm gỗ thông thường.

- Loại rừng, trạng thái rừng: Căn cứ theo hiện trạng thực tế tại thời điểm giám định thì toàn bộ diện tích 19.500m² rừng bị chặt phá (gồm 03 lô) có trạng thái là rừng tự nhiên lá rụng thường xanh và nửa rụng lá nghèo kiệt “ký hiệu KTX”. Đối chiếu với Bản đồ điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thì diện tích trên tại khoảnh 16, 11a, tiểu khu 368B thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên (ký hiệu TXK).

Căn cứ theo phụ lục VI, phân chia trạng thái rừng (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp thì toàn bộ diện tích rừng trên thuộc trạng thái là rừng tự nhiên lá rụng thường xanh và nửa rụng lá nghèo kiệt ($10 \leq M \leq 50$: Trữ

lượng rừng nhỏ hơn 50m³/ha) (ký hiệu TXK).

Toàn bộ diện tích 19.500m² rừng sau khi bị chặt phá không phải là rừng là trạng thái diện tích khác (ký hiệu DTK).

Về trách nhiệm dân sự: Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu Ngọc Văn T bồi thường thiệt hại theo kết luận định giá tài sản. Ngày 28/01/2026 Ngọc Văn T đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã Quan Sơn, tỉnh Lạng Sơn số tiền 32.682.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã tạm giữ và làm rõ: 01 (một) cửa máy, nhãn hiệu CHAIN SAW CS 6200, phần lưỡi cửa làm bằng kim loại dài 40cm, bản rộng 9cm, phần thân cửa màu cam, cửa cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong; 01 (một) cửa máy, nhãn hiệu TOPSUN T – 5281, phần lưỡi cửa làm bằng kim loại dài 40cm, bản rộng 9cm, phần thân cửa màu cam, màu trắng sữa, cửa cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong, là công cụ của Ngọc Văn T sử dụng vào việc phạm tội, hiện đang bị tạm giữ.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKSKV4 ngày 02 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Ngọc Văn T về tội Huỷ hoại rừng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Ngọc Văn T phạm tội Huỷ hoại rừng và đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 32.682.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 02 cửa máy, đã qua sử dụng.

Về án phí: bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn đã truy tố và đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo quá trình sinh sống tại địa phương đã được tặng Giấy khen trong công tác ủng hộ và được xác nhận chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Do đó, đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo và đề nghị được mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt Viện kiểm sát đề nghị. Về hình phạt bổ sung không áp dụng, về phần dân sự không xem xét do đã giải quyết xong, về vật chứng và án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày đã ăn năn hối cải xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn và người đại diện hợp pháp, ông Lý Văn L, anh Lý Văn T1, ông Vi Văn M, anh Hoàng Văn Q, ông Nông Văn Đ, ông Vi Văn P, ông Vi Văn S, ông Trương Văn N, ông Nông Văn N1, anh Hoàng Văn H, ông Trương Văn T vắng mặt. Những người vắng mặt đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng tháng 8 đến đầu tháng 9 năm 2025, Ngọc Văn T đã thuê người chặt phá trái phép 1,95ha (19.500m²) rừng tự nhiên tại các thửa đất số 31, 51, 62, thuộc lô 1, khoảnh 16 và lô 31, lô 32, khoảnh 11a, tiểu khu 368B, thôn L, xã Q, tỉnh Lạng Sơn, là khu vực được quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên, mục đích để trồng cây bạch đàn. Khối lượng gỗ bị chặt phá là 336 khúc, tương đương 42,077m³ (gồm các loại cây gỗ thuộc loài thông thường như Kháo, Sau Sau, Dẻ, đường kính từ 10cm đến 30cm, dài từ 2m đến 8m), trị giá 32.682.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Huỷ hoại rừng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý rừng của nhà nước, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, do đó cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nên xác định có nhân thân

tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền bị thiệt hại theo kết luận định giá là 32.682.000 đồng, bị cáo tại địa phương đã được tặng Giấy khen vì có thành tích trong công tác nhân đạo, được Công an xã S, tỉnh Bắc Ninh xác nhận chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[8] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo không có tài sản riêng và là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 32.682.000 đồng, do đó, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước để khắc phục hậu quả xảy ra đối với diện tích rừng bị thiệt hại. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục và nộp toàn bộ tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn nên cần sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 32.682.000 đồng.

[11] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước 02 cửa máy, đã qua sử dụng do được sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nên bị cáo được miễn án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Đối với người đàn ông tên D và nhóm người dân tộc Mông được Ngọc Văn T thuê phát dọn cây bụi, cây cỏ, cây nhỏ tự nhiên do không có thông tin cụ thể nên không thể tiến hành điều tra xác minh làm rõ.

[14] Đối với Vi Văn M, Vi Văn Lay, Lý Văn T1, Hoàng Văn Q, Nông Văn Đ, Vi Văn P, Vi Văn S là những người đã bán đất rừng cho Ngọc Văn T. Do nhận thức hạn chế cho rằng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình đã canh tác, quản lý, sử dụng từ lâu đời nên được phép bán cho Thu. Việc mua bán, thoả thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện nên không xử lý.

[15] Đối với Vi Văn L là người được Ngọc Văn T thuê giám sát nhóm người dân tộc Mông chặt phá cây bụi, cây cỏ; Trương Văn N, Nông Văn N1, Hoàng Văn H, Trương Văn T là người được Ngọc Văn T thuê cắt hạ các cây gỗ tự nhiên nhưng không biết việc T thuê cắt hạ cây mà không có giấy phép nên không xử lý.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo quy định pháp luật.

[18] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 50, Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Ngọc Văn T phạm tội Huỷ hoại rừng.

2. Xử phạt bị cáo Ngọc Văn T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/3/2026. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Sơn Hải, tỉnh Bắc Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước giá trị thiệt hại đối với phần diện tích rừng bị thiệt hại là 32.682.000 đồng, số tiền bồi thường nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 32.682.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu tiền số 0000141 ngày 28/01/2026, số tiền được chuyển vào ngân sách Nhà nước.

4. Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) cửa máy, nhãn hiệu CHAIN SAW CS 6200, phần lưỡi cửa làm bằng kim loại dài 40cm, bản rộng 9cm, phần thân cửa màu cam, cửa cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong.

- 01 (một) cửa máy, nhãn hiệu TOPSUN T – 5281, phần lưỡi cửa làm bằng kim loại dài 40cm, bản rộng 9cm, phần thân cửa màu cam, màu trắng sữa, cửa cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng Sơn)

5. Về án phí: Bị cáo Ngọc Văn T thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết